

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

### I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA

1. Vốn chủ sở hữu: 275.179.133.233 đồng

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng  
- Quỹ đầu tư phát triển : 20.179.133.233 đồng  
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 329.424.485.594 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 19.559.810.849 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{22.466.846.249}{270.778.175.792} = 8,30\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0830 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{19.559.810.849}{270.778.175.792} = 7,22\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0722 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{19.559.810.849}{320.084.981.778} = 6,11\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0611 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{269.311.189.978+269.311.189.978+269.311.189.978+275.179.133.233}{4} = 270.778.175.792 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{317.281.077.666+311.360.656.326+322.273.707.524+329.424.485.594}{4} = 320.084.981.778 \text{ đồng}$$

### II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A)

- Trong năm, ITAXA đã lập dự án đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà ITAXA với tổng vốn đầu tư dự kiến là: 5.722.717.000 đồng nhằm cung cấp nguồn năng lượng sạch đầu nối vào hệ thống điện chung của khu vực cho thuê văn phòng, cung cấp điện năng cho phụ tải tự dùng tại chỗ của khu vực cho thuê văn phòng.

Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối tháng 12 năm 2020, bước đầu đạt công suất thiết kế.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B)

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật và năm 2020, công ty kinh doanh có lợi nhuận.

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- \* Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- \* Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- \* Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- \* ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2020 là: 23.028.689.491 đồng.

*Trong đó:*

- \* *Nợ phải thu khó đòi: 6.247.406.906 đồng.*
- \* *Đã trích lập dự phòng: 4.111.676.091 đồng.*
- \* *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 194.598.000 đồng*

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- \* Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2020 là: 54.245.352.361 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- \* Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{38.743.138.540}{34.493.799.133} = 1,12$$

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{38.743.138.540 - 9.129.885.310}{34.493.799.133} = 0,86 \end{aligned}$$

\* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{54.245.352.361}{275.179.133.233} = 19,71\%$$

### III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C)

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2020 đạt 18.655 triệu trang in đạt 103,64% kế hoạch, giảm 19,74% so với năm 2018 tương đương 4.588 triệu trang in và giảm 21,11% so với năm 2019 tương đương 4.992 triệu trang in.

2. Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 là 171.328 triệu đồng đạt 111,25% kế hoạch, tăng 2,77% so với năm 2018 tương đương 4.618 triệu đồng, giảm 12,75% so với năm 2019 tương đương 25.043 triệu đồng.
- Giá vốn hàng bán năm 2020 là 110.285 triệu đồng, giảm 4,70% so với năm 2018 tương đương 5.444 triệu đồng, giảm 17,13% so với năm 2019 tương đương 22.803 triệu đồng.
- Chi phí bán hàng năm 2020 là 799 triệu đồng, tăng 9,60% so với năm 2018 tương đương 70 triệu đồng, tăng 182,33% so với năm 2019 tương đương 516 triệu đồng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 là 53.265 triệu đồng, tăng 1,91% so với năm 2018 tương đương 1.000 triệu đồng, giảm 6,22% so với năm 2019 tương đương 3.534 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2020 là 9.654 triệu đồng đạt 120,68% kế hoạch, giảm 39,85% so với năm 2018 tương đương 6.395 triệu đồng, giảm 11,68% so với năm 2019 tương đương 1.277 triệu đồng.
- Thu nhập khác năm 2020 là 9.480 triệu đồng đạt 118,50% kế hoạch, giảm 43,13% so với năm 2018 tương đương 7.191 triệu đồng, giảm 32,68% so với năm 2019 tương đương 4.603 triệu đồng.
- Chi phí khác năm 2020 là 3.647 triệu đồng, giảm 34,99% so với năm 2018 tương đương 1.963 triệu đồng, giảm 12,67% so với năm 2019 tương đương 529 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 22.466 triệu đồng, đạt 118,24% kế hoạch, giảm 10,38% so với năm 2018 tương đương 2.603 triệu đồng, giảm 16,91% so với năm 2019 tương đương 4.753 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 19.559 triệu đồng, đạt 128,68% kế hoạch, giảm 1% so với năm 2018 tương đương 197 triệu đồng, giảm 10,98% so với năm 2019 tương đương 2.412 triệu đồng.

3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
  - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 8,30%
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 7,22%
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,11%
4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2020:
  - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
  - Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

**IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ)**

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

**V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật:** ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

**VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp**

1. Tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài, ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế doanh nghiệp, trong đó có ITAXA.
2. Giá trị sản lượng in sụt giảm mạnh. Cùng chia sẻ khó khăn với khách hàng trong việc giải quyết giảm đơn giá thuê văn phòng, giãn nợ hoặc nhận lại mặt bằng cho thuê.

**VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết**

**CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**Nguyễn Châu Phúc**

*Handwritten signature*

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCCB**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (trillion đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2020		Giải ngân đến ngày 31/12/2020 (trillion đồng)		Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2020	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2020
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
<b>A Các nhóm dự án A</b>																		
1																		
<b>B Các nhóm dự án B</b>																		
1																		
<b>C Các nhóm dự án khác</b>																		
Cung cấp và lắp đặt 1																		
1	hệ thống máy gấp giấy 4 vạch thẳng góc 32 trang	QĐ:10/QĐ-HD/TV ngày 16/05/2019	2.831,50	2.831,50				12 tháng							510	2.059	2.569	2.336
2	Hệ thống Điện mặt trời máy nhà ITAXA	QĐ:02/QĐ-HD/TV ngày 24/07/2020	5.723	5.723				03 tháng								3.680	3.680	4.173



Hội đồng thành viên  
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Châu Phúc

Người lập biểu  
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng  
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư			Tỷ lệ vốn góp (%)		Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, cty liên kết	
		Kế hoạch	Năm 2019	Tại thời điểm 31/12/2020	Kế hoạch	Năm 2019			Tại thời điểm 31/12/2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019					Năm 2020
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17
I	Đầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72,09%	72,09%	27.400	31.605	51.480	49.887	757	318	506	2,22%	4,86	0,24
II	Đầu tư vào công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính khác																


 Người đồng thành viên  
(Ký, đóng dấu)  
 Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu  
(Ký)  
 Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng  
(Ký)  
 Đặng Thị Ngọc Hiền


 Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)  
 Nguyễn Đức Trọng

## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Thực hiện năm 2020		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2018	Năm 2019	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
<b>A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1. Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	23.243	23.647	18.000	18.655	80,26%	78,89%	103,64%
2. Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	23.243	23.647	18.000	18.655	80,26%	78,89%	103,64%
3. Tồn kho cuối kỳ							
<b>B. Chi tiêu tài chính</b>							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.710	196.371	154.000	171.328	102,77%	87,25%	111,25%
2. Giá vốn bán hàng	115.729	133.088		110.285	95,30%	82,87%	
3. LN góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.981	63.283		61.043	119,74%	96,46%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	16.049	10.931	8.000	9.654	60,15%	88,32%	120,68%
5. Chi phí tài chính	28	0		0			
6. Chi phí bán hàng	729	283		799	109,60%	282,33%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	52.265	56.799		53.265	101,91%	93,78%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.008	17.132		16.633	118,74%	97,09%	
9. Thu nhập khác	16.671	14.083	8.000	9.480	56,87%	67,32%	118,50%
10. Chi phí khác	5.610	4.176		3.647	65,01%	87,33%	
11. Lợi nhuận khác	11.061	9.907		5.833	52,73%	58,88%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.069	27.039	19.000	22.466	89,62%	83,09%	118,24%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.326	5.068		2.907	54,58%	57,36%	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-13	0		0			
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.756	21.971	15.200	19.559	99,00%	89,02%	128,68%

Hội đồng thành viên

CÔNG TY (Ký, đóng dấu)

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

MỘT THÀNH VIÊN

ITAXA



Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu

(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng

(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc

CÔNG TY (Ký, đóng dấu)

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

MỘT THÀNH VIÊN

ITAXA



Nguyễn Đức Trọng

**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020***(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
<b>1. Thuế</b>	<b>3.128.269.574</b>	<b>18.512.783.506</b>	<b>19.680.327.135</b>	<b>1.960.725.945</b>
- Thuế GTGT	-	7.698.018.248	6.979.057.121	718.961.127
- Thuế TNDN	1.520.219.578	2.907.035.400	4.073.969.381	353.285.597
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.223.359	1.223.359	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	1.608.049.996	7.906.506.499	8.626.077.274	888.479.221
<b>2. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
<b>3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định</b>	<b>2.259.191.477</b>	<b>1.163.100.568</b>	<b>2.259.191.477</b>	<b>1.163.100.568</b>

**B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2020***(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	14.311.189.978	5.867.943.255		20.179.133.233
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.990.342.575	12.302.980.000	13.806.895.000	6.486.427.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	425.442.019	228.767.026	357.161.000	297.048.045
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

*Ghi chú:*

\* Mục 2. Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 12.302.980.000đ, trong đó số tiền: 12.300.000.000đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 2.980.000đ là tiền thưởng nhận bằng khen của Tổng Giám đốc TTXVN.



Người lập biểu  
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng  
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA SINH**  
**NĂM 2020**

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh:**

- Tổng doanh thu năm 2020 là 49.887 triệu đồng, giảm 3,09% so với năm 2019 tương đương 1.593 triệu đồng.
- Tổng chi phí năm 2020 là 49.066 triệu đồng, giảm 2,16% so với năm 2019 tương đương 1.084 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2020 là 821 triệu đồng, giảm 38,27% so với năm 2019 tương đương 509 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 318 triệu đồng, giảm 57,99% so với năm 2019 tương đương 439 triệu đồng.

**2. Hiệu quả đầu tư vốn:**

$$\begin{aligned} 2.1 \quad \text{Hệ số bảo toàn vốn} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của DN cuối kỳ trước liền kề}} \\ &= \frac{32.797.811.083}{32.797.811.083} = 1,00 \end{aligned}$$

Hệ số bảo toàn vốn = 1: Công ty Cổ phần Địa Sinh bảo toàn vốn.

$$\begin{aligned} 2.2 \quad \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu} &= 100\% \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu}} \\ &= 100\% \times \frac{318.296.548}{31.604.564.975} = 1,01\% \end{aligned}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu là: 1,01%, chỉ tiêu này đánh giá đầu tư 1 đồng vốn tạo ra được 0,0101 đồng lợi nhuận sau thuế.

**3. Tình hình tài chính:**

3.1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	=	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	
		=	$\frac{38.958.743.654}{8.013.210.178}$	= 4,86
3.2	Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu	=	$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$	
		=	$\frac{8.013.210.178}{33.126.508.389}$	= 0,24

TP.HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Đại diện chủ sở hữu**

(Ký, đóng dấu)



**Nguyễn Châu Phúc**

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận / Vốn CSH			Kết quả xếp loại DN	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV ITAXA	5,5%	7,2%	131,2%	A	A	A

Người lập biểu  
(Ký)



**Trần Ngọc Thành**

Kế toán trưởng  
(Ký)



**Đặng Thị Ngọc Hiếu**

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



**Nguyễn Đức Trọng**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2020**Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MTV ITAXA**Loại hình DN: **DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu 1 ( triệu đồng)		Chỉ tiêu 2				Chỉ tiêu 3				Xếp loại DN						
Doanh thu và thu nhập khác		Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/Vốn (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (triệu đồng)					
KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	TSNH (triệu đồng)	Nợ NH (triệu đồng)	TSNH/ Nợ NN (lần)		Xếp loại	Chi tiêu 4 xếp loại	Chi tiêu 5 xếp loại		
170.000	190.462	A	15.200	19.560	276.364	270.778	5,5%	7,2%	A	38.743	34.494	1,12	0	A	A	A

Người lập biểu

(Ký)



Trần Ngọc Thành

Kế toán Trưởng

(Ký)



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)


